

Số: 113/2025/QĐST-DS

H, ngày 22 tháng 8 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA T CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 14 tháng 8 năm 2025 về việc các đương sự thoả T được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 143/2025/TLST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2025 về việc “*Tranh chấp về chia tài sản chung và tranh chấp về thừa kế tài sản*”.

XÉT THẤY:

Các thoả T của các đương sự được ghi trong biên bản H giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả T giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả T đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả T của các đương sự:

1.1 Nguyên đơn: Bà Trương Thị N, sinh năm 1961

Địa chỉ: Thôn Y, phường T, TP. H

2. Bị đơn: Bà Đỗ Thị C, sinh năm 1950

Địa chỉ: Thôn Y, phường T, TP. H

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, TP. H

3.2. Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn Y, phường T, TP. H

3.3. Chị Đỗ Thị Thùy N, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn Y, phường T, TP. H

3.4. Bà Trương Thị G (Vợ ông Đỗ Văn U), sinh năm 1938

Địa chỉ: Thôn Y, phường T, TP. H

3.5. Chị Đỗ Thị Kim T (Con ông Đỗ Văn U), sinh năm 1961

Địa chỉ: Xóm L, thôn T, phường T, TP. H

3.6. Chị Đỗ Thị Kim T (tức Đỗ Thị T) (Con ông Đỗ Văn U), sinh năm 1963

Địa chỉ: Thôn Y, phường T, TP. H

3.7. Chị Đỗ Thị T Đ (Con ông Đỗ Văn U), sinh năm 1970

Địa chỉ: S22 N21/50 Thôn Y, phường T, TP. H

3.8. Anh Đỗ Thành C (Con ông Đỗ Văn U), sinh năm 1972

Địa chỉ: Thôn Y, phường T, TP. H

3.9. Chị Đỗ Thị Minh B (Con ông Đỗ Văn U), sinh năm 1974

Địa chỉ: Đội 7, Thôn Y, phường T, TP. H

3.10. Chị Đỗ Thị Lan H (Con ông Đỗ Văn U), sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn Y, phường T, TP. H

3.11. Chị Đỗ Thị Phương L (Con ông Đỗ Văn U), sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn Y, phường T, TP. H

3.12. Chị Đỗ Lan P (Con ông Đỗ Văn U), sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn Vực, phường T, TP. H

3.13. Bà Trần Thị B (Vợ ông Đỗ Văn V), sinh năm 1947

Địa chỉ: Thôn Y, phường T, TP. H

3.14. Chị Đỗ Thị Thanh D (Con ông Đỗ Văn V), sinh năm 1970

Địa chỉ: Thôn Y, phường T, TP. H

3.15. Anh Đỗ Hữu Đ (Con ông Đỗ Văn V), sinh năm 1972

Địa chỉ: Thôn Y, phường T, TP. H

3.16. Anh Đỗ Trung H (Con ông Đỗ Văn V), sinh năm 1974

Địa chỉ: Kho V3, Đồng Châm, xã Sóc Sơn, H

3.17. Anh Đỗ Vân L (Con ông Đỗ Văn V), sinh năm 1977

Địa chỉ: Thôn Y, phường T, TP. H

3.18. Anh Đỗ Văn T (Con ông Đỗ Văn V), sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn Y, phường T, TP. H

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trương Thị N, chị Đỗ Thị T, chị Đỗ Thị H, chị Đỗ Thị Tỳ N: Văn phòng luật sư P do bà Vũ Thị P đại diện theo hợp đồng dịch vụ pháp lý số 08.01/2025/HDDCVPL – PL ngày 08 tháng 01 năm 2025 và theo hợp đồng ủy quyền số 01.8/2025/HDDCVPL - PL ngày 01 tháng 08 năm 2025)

Người đại diện theo ủy quyền của cụ Trương Thị G, bà Đỗ Thị Kim T, bà Đỗ Thị Kim T (do chị Đỗ Thị Thanh B là người giám hộ), bà Đỗ Thị T Đ, bà Đỗ Thị Minh B, bà Đỗ Thị Lan H, bà Đỗ Thị Phương L, bà Đỗ Phương L: Anh Đỗ Thành C (Văn bản ủy quyền ngày 26 tháng 07 năm 2025)

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đỗ Thị Thanh D, ông Đỗ Hữu Đ, ông Đỗ Trung H, ông Đỗ Vân L, ông Đỗ Văn T: Bà Trần Thị B (Văn bản ủy quyền ngày 26 tháng 07 năm 2025).

2. Sự thỏa T của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Xác nhận 01 thửa đất số 90, tờ bản đồ 03, diện tích 295m² (nay là thửa đất số 91, tờ bản đồ 21) có diện tích đo đạc thực tế là 299m² tại thôn Y, xã T, huyện T, thành phố H.

Đất và toàn bộ nhà trên đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất S 01660 QSDĐ/83/09 do UBND huyện T cấp ngày 21/11/1993 đứng tên ông Đỗ Văn T là tài sản chung của Đỗ Văn T và ông Đỗ Văn Hoà.

2.2. Xác nhận giá trị quyền sử dụng đất đối với diện tích 295m² tại thửa đất số 90, tờ bản đồ 03 (nay là thửa đất số 91, tờ bản đồ 21) tại thôn Y, xã T, huyện T, thành phố H có diện tích đo đạc thực tế là 299m² có giá trị là 110.288.578 triệu đồng/m². Tổng giá trị quyền sử dụng đất đối với diện tích đất tranh chấp là theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 32.535.000.000 đồng.

2.3. Ghi nhận sự thống nhất thoả T của các đương sự về việc tự tháo dỡ các công trình trên đất để phân chia quyền sử dụng đất.

2.4. Ghi nhận sự thống nhất thoả T phân chia tài sản chung của ông Đỗ Văn T và ông Đỗ Văn H của các đương sự như sau:

2.4.1 Diện tích đất làm ngõ đi chung là 36.8m² được đánh dấu bằng các điểm 3; 4;5;6;14;13;3 (sơ đồ kèm theo).

2.4.2 Phân chia tài sản chung của ông Đỗ Văn T và ông Đỗ Văn H như sau:

2.4.2.1 Phần diện tích đất thuộc quyền sở hữu của ông Đỗ Văn T và ông Đỗ Văn H được xác định mỗi người là $\frac{1}{2}$ giá trị của phần diện tích sau khi cắt một phần đất làm ngõ đi chung. Chia bằng hiện vật là $299\text{m}^2 - 36.8\text{m}^2 = 262.2\text{m}^2 : 2 = 131.1\text{m}^2$

2.4.2.2 Phần diện tích đất thuộc quyền sở hữu của ông Đỗ Văn T được xác định nằm phía bên trong thửa đất, có diện tích 131.1m², được xác định bằng các điểm 1;2;3; 3';13;9';10;11;12;1 (có sơ đồ kèm theo).

2.4.2.3 Ông Đỗ Văn T chết ngày 23 tháng 09 năm 2008. Xác định thời điểm mở thừa kế của ông T là ngày 23 tháng 09 năm 2008. Ông T chết không để lại di chúc. Xác nhận hàng thừa kế của ông Đỗ Văn T là bà Trương Thị N, chị Đỗ Thị T, chị Đỗ Thị H và chị Đỗ Thị Tỳ Ninh. Nay, các đương sự thống nhất thoả T chia di sản của ông T như sau: Ghi nhận sự thoả T của chị Đỗ Thị T, chị Đỗ Thị H và chị Đỗ Thị Tỳ Ninh về việc tặng cho toàn bộ kỷ phần thừa kế được nhận cho bà Trương Thị N. Bà Trương Thị N được thực hiện các quyền của chủ sử dụng đất theo quy định của pháp luật và liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký quyền sở hữu đối với diện tích đất 131.1m² được xác định bằng các điểm 1;2;3; 3';13;9';10;11;12;1 (có sơ đồ kèm theo).

2.4.2.4 Phần diện tích đất thuộc di sản thừa kế của ông Đỗ Văn H nằm phía bên ngoài thửa đất, có diện tích 131.1m², được xác định bằng các điểm 13;14;6';7;8;8';9;

9';13 (có sơ đồ kèm theo). Các đương sự thống nhất thoả T phân chia di sản thừa kế của ông Đỗ Văn H như sau:

- Xác định thời điểm mở thừa kế của ông H là ngày 02/01/1999. Xác định ông H chết không để lại di chúc nên nay các đương sự tiến hành thoả T phân chia di sản thừa kế của ông H theo pháp luật.

- Xác định hàng thừa kế của ông H: Ông H không có vợ, con. Bố mẹ ông H là cụ M và cụ H đã chết trước ông H. Do vậy, không có hàng thừa kế thứ nhất. Ông H có các anh em ruột là ông Đỗ Văn K, ông Đỗ Văn U, ông Đỗ Văn V, ông Đỗ Văn T và bà Đỗ Thị C.

+ Ông Đỗ Văn K, chết năm 1967 – là liệt sĩ. Ông K không có vợ, con.

+ Ông Đỗ Văn U chết ngày 05/09/2012. Ông Ước có vợ là bà Trương Thị G; ông U và bà G có 08 người con chung bao gồm: Đỗ Thị Kim T, Đỗ Thị Kim T (tức Đỗ Thị Kim T), Chị Đỗ Thị T Đ; Chị Đỗ Thị Minh B; Chị Đỗ Thị Lan H; Chị Đỗ Thị Phương L; Chị Đỗ Lan P; Anh Đỗ Thành C.

+ Ông Đỗ Văn V chết ngày 26/01/2018. Ông Vệ có vợ là bà Trần Thị B; ông Vệ và bà Bình có 05 người con bao gồm: Đỗ Thị Thanh D, Đỗ Hữu Đ, Đỗ Trung H, Đỗ Văn L, Đỗ Văn T.

+ Ông Đỗ Văn T chết 23/9/2018. Ông T có vợ là bà Trương Thị N. Ông T và bà Nhung có 03 con chung là chị Đỗ Thị T, chị Đỗ Thị H và chị Đỗ Thị Tỳ N.

Như vậy, xác định hàng thừa kế thứ hai của ông H có 04 người gồm: ông Đỗ Văn U, ông Đỗ Văn V, ông Đỗ Văn T và bà Đỗ Thị C. Ông Đỗ Văn U, ông Đỗ Văn V, ông Đỗ Văn T đã chết nên vợ và con ông Ước, ông Vệ, ông T là những người được kế thừa quyền hưởng di sản thừa kế.

- Xác định mỗi người thừa kế được chia hưởng một kỷ phần thừa kế. Tổng giá trị di sản thừa kế của ông Đỗ Văn Hoà là 131.1m² có giá trị bằng 14.458.832.500 đồng. Xác định một kỷ phần thừa kế có giá trị là: 14.458.832.500 đồng chia 04 phần là 3.614.708.000 đồng. Các đương sự thống nhất thoả T phân chia di sản bằng hiện vật như sau:

+ Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự về việc phân chia di sản bằng hiện vật và chia chung di sản thừa kế như sau: Chị Đỗ Thị T, chị Đỗ Thị H và chị Đỗ Thị Tỳ N, bà Đỗ Thị C tự nguyện tặng cho phần di sản thừa kế được hưởng cho bà Trương Thị N. Bà Trương Thị N được sở hữu, sử dụng diện tích đất là 65.5m² (được xác định là các điểm 13;14;8';9;9';13 có sơ đồ kèm theo). Bà Trương Thị N được thực hiện các quyền của chủ sử dụng đất theo quy định của pháp luật và liên hệ với cơ

quan có thẩm quyền để đăng ký quyền sở hữu đối với diện tích đất 65.5m² vị trí, kích thước như trên.

+ Ghi nhận sự tự nguyện của chị Đỗ Thị Kim T, chị Đỗ Thị Kim T (tức Đỗ Thị Kim T), chị Đỗ Thị T Đ; chị Đỗ Thị Minh B; chị Đỗ Thị Lan H; chị Đỗ Thị Phương L; chị Đỗ Lan P; bà Trương Thị G tặng cho kỷ phần thừa kế được hưởng cho anh Đỗ Thành C.

+ Ghi nhận sự tự nguyện của các anh, chị Đỗ Thị Thanh D, Đỗ Hữu Đ, Đỗ Trung H, Đỗ Vân L, Đỗ Văn T tặng cho kỷ phần thừa kế được hưởng cho bà Trần Thị B.

Như vậy, anh Đỗ Thành C và bà Trần Thị B được quyền sở hữu, sử dụng chung diện tích đất 65.6m² (được xác định là các điểm 14; 6';7;8;8';14 - có sơ đồ kèm theo). Xác định tỉ lệ sở hữu của bà Trần Thị B và anh Đỗ Thành C mỗi người có 50% giá trị tài sản. Anh Đỗ Thành C và bà Trần Thị B được thực hiện các quyền của chủ sử dụng đất theo quy định của pháp luật và liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký quyền sở hữu đối với diện tích đất 65.6m² vị trí, kích thước như trên.

4. Về án phí: Xác định tổng giá trị tài sản tranh chấp là 32.535.000.000 đồng. Do vậy, các đương sự phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 140.535.000 đồng. Tuy nhiên, các đương sự đã tự thỏa T được với nhau toàn bộ nội dung vụ án nên án phí dân sự có giá ngạch $140.535.000 \text{ đồng} : 2 = 70.267.000 \text{ đồng}$.

4.1 Chị Đỗ Thị T, chị Đỗ Thị H, chị Đỗ Thị Tỳ Ninh và bà Trương Thị N chịu án phí dân sự về chia tài sản chung có giá ngạch là 35.133.500 đồng và án phí chia thừa kế là 8.783.000 đồng. Tuy nhiên, do bà N là người cao tuổi và đã có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí nên miễn án phí cho bà N. Ghi nhận việc bà N tự nguyện chịu 32.937.000 đồng cho chị H, chị N, chị T.

4.2 Bà Đỗ Thị C là người cao tuổi và đã có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà.

4.3 Anh Đỗ Thành C tự nguyện chịu số tiền 5.855.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Trương Thị N, bà Đỗ Thị Kim T, bà Đỗ Thị Kim T là người cao tuổi và đã có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí.

4.4 Bà Trần Thị B là người cao tuổi và đã có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí cho B. Bà B tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm cho Đỗ Thị Thanh D, Đỗ Hữu Đ, Đỗ Trung H, Đỗ Vân L, Đỗ Văn T là 7.319.000 đồng.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Phương